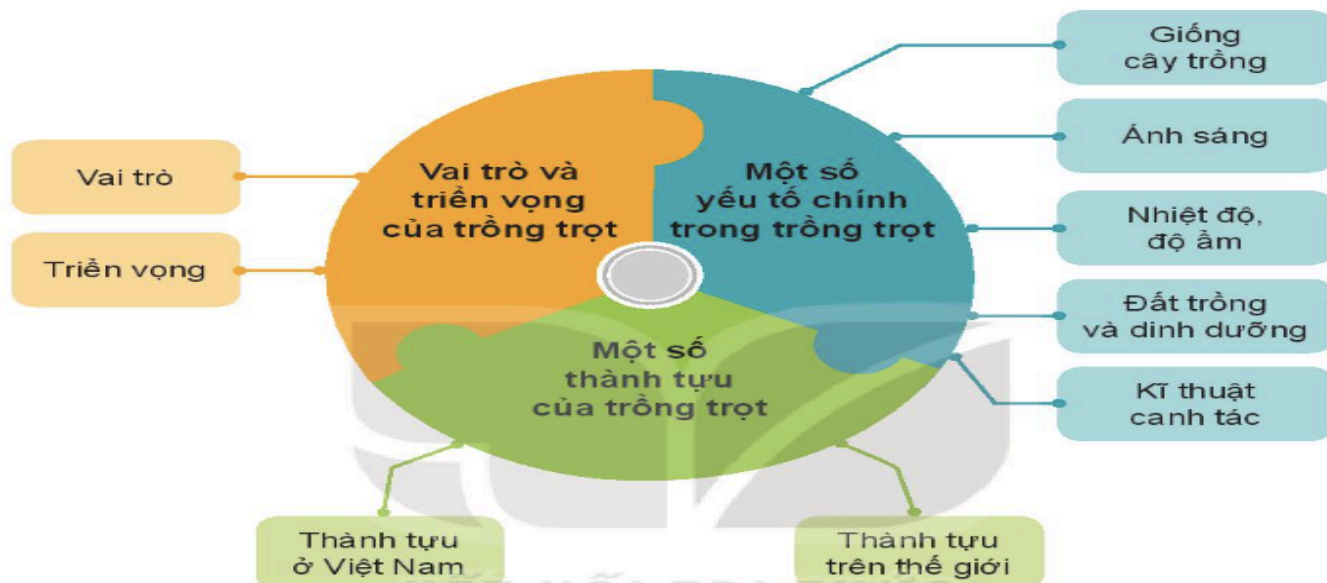


ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I - CÔNG NGHỆ TRỒNG TRỌT LỚP 10

(Năm học 2025 - 2026)

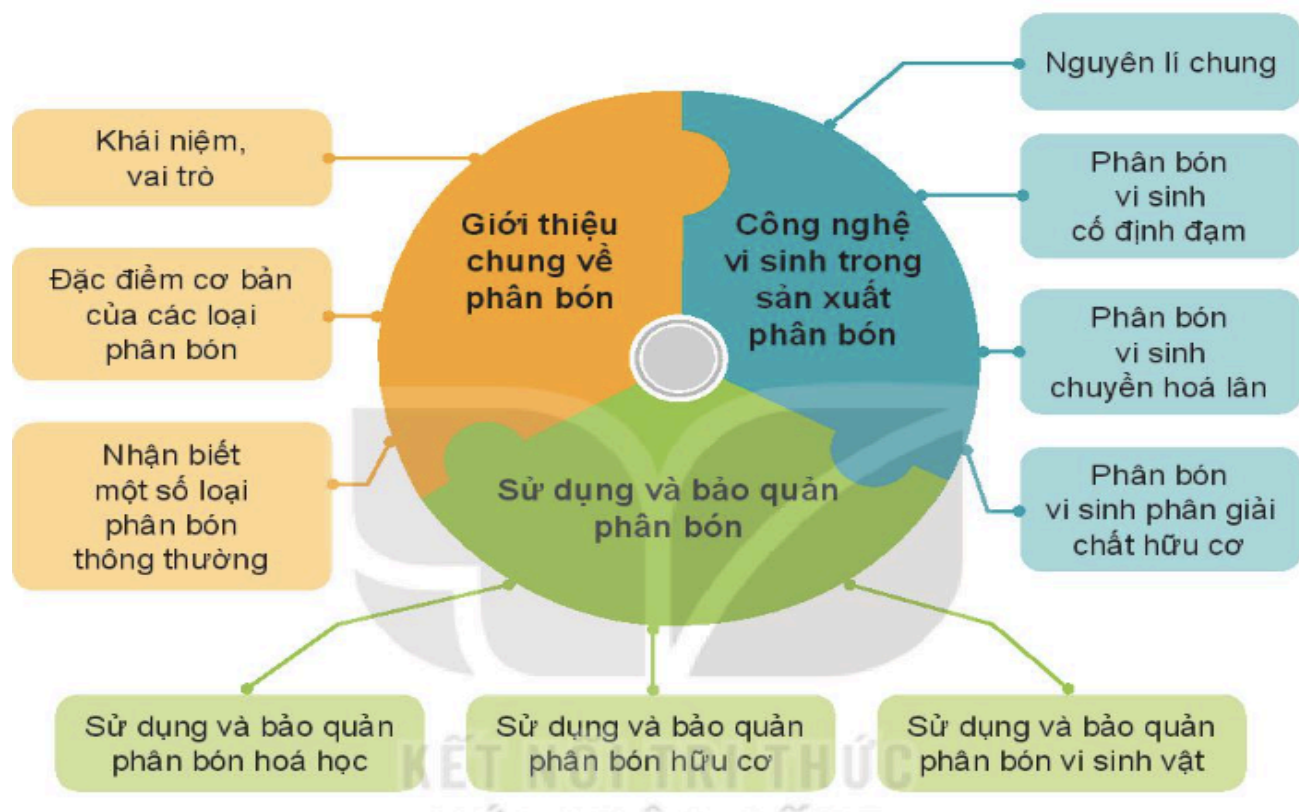
ÔN TẬP CHƯƠNG I



ÔN TẬP CHƯƠNG II



ÔN TẬP CHƯƠNG III



ÔN TẬP CHƯƠNG IV



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Chương I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRỒNG TRỌT

Bài 1. Giới thiệu về trồng trọt

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Nhận biết

Câu 1: Đâu **không** phải là vai trò của trồng trọt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0?

- A. Đảm bảo an ninh lương thực.
- B. Thúc đẩy sự phát triển chăn nuôi và nông nghiệp.
- C. Tham gia vào xuất khẩu.
- D. Là môi trường thích hợp để thử nghiệm sinh học, hoá học và trí thông minh nhân tạo.

Câu 2: Khi nói về vai trò của trồng trọt ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 có các nhận định sau:

- I. Đảm bảo an ninh lương thực.
- II. Thúc đẩy sự phát triển chăn nuôi và công nghiệp.
- III. Tham gia vào xuất khẩu.
- IV. Tạo việc làm cho người lao động.

Số nhận định đúng?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 3: Nội dung nào dưới đây là triển vọng của trồng trọt Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0?

- A. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi và du lịch.
- B. Phát triển trồng trọt ứng dụng công nghệ cao là xu hướng tất yếu.
- C. Xây dựng chế độ bảo quản lương thực hợp lý.
- D. Tạo ra nhiều việc làm cho người dân.

Câu 4: Khi nói về những thành tựu ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt ở Việt Nam thì cơ giới hóa trồng trọt có vai trò gì?

- A. Cho phép con người có thể trồng trọt ở những nơi không có đất trồng.
- B. Giúp tiết kiệm không gian, tiết kiệm nước trong trồng trọt.
- C. Giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao năng suất hiệu quả kinh tế trong trồng trọt.
- D. Xây dựng chế độ luân canh hợp lý.

Câu 5: Nội dung nào sau đây **không** phải là thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt ở Việt Nam?

- A. Cơ giới hóa trong trồng trọt.
- B. Ứng dụng công nghệ thủy canh, khí canh.
- C. Công nghệ tưới nước tự động và trồng cây trong nhà kính.
- D. Tạo giống cây trồng có năng suất thấp, chất lượng kém.

Bài 2. Cây trồng và các yếu tố chính trong trồng trọt

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Nhận biết

Câu 1: Dựa vào nguồn gốc, cây trồng có thể được chia làm 3 loại chính?

- A. Cây ôn đới, cây nhiệt đới và cây á nhiệt đới.
- B. Cây ôn đới, cây nhiệt đới và cây hàn đới.
- C. Cây hạn sinh, cây trung sinh và cây ẩm sinh.
- D. Cây ngắn ngày, cây dài ngày và cây trung tính.

Câu 2: Cây trồng nào sau đây được phân loại dựa vào đặc tính sinh vật học?

- A. Cây ôn đới, cây nhiệt đới và cây á nhiệt đới.
- B. Cây hằng năm, cây lâu năm.
- C. Cây hạn sinh, cây trung sinh và cây ẩm sinh.
- D. Cây lương thực, cây rau, cây lấy gỗ.

Câu 3: Dựa vào cách phân loại nào sau đây để người ta phân chia cây trồng ra nhiều loại như cây lương thực, cây dược liệu, cây rau, cây lấy gỗ ?

A. Theo nguồn gốc.

B. Theo đặc tính sinh vật.

C. Theo mục đích sử dụng.

D. Theo ông cha truyền lại.

Câu 4: Có bao nhiêu yếu tố sau đây là các yếu tố chính trong trồng trọt?

I. Giống cây trồng.

II. Ánh sáng.

III. Nhiệt độ.

IV. Nước và độ ẩm.

V. Đất trồng.

VI. Dinh dưỡng.

VII. Kỹ thuật canh tác

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 7.

Câu 5: Giống cây trồng **không** có vai trò nào sau đây?

A. Giống quy định năng suất và phẩm chất của nông sản.

B. Giống quy định khả năng chống chịu sâu, bệnh của nông sản.

C. Giống dự trữ và cung cấp chất dinh dưỡng cho cây.

D. Giống quyết định khả năng sinh trưởng và phát triển của cây.

Thông hiểu

Câu 1: Khi nói về yếu tố nhiệt độ trong trồng trọt có bao nhiêu nhận định sau đây đúng?

I. Nhiệt độ ảnh hưởng đến hô hấp, quang hợp của cây.

II. Nhiệt độ ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

III. Tất cả các loài cây trồng đều thích nghi ở một ngưỡng nhiệt độ nhất định.

IV. Nhiệt độ không ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng của nông sản.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 2: Khi nói về yếu tố dinh dưỡng trong trồng trọt có các nhận định sau:

I. Thiếu dinh dưỡng cây trồng sẽ bị còi cọc chậm lớn.

II. Thừa dinh dưỡng có thể làm rối loạn sinh trưởng.

III. Dinh dưỡng càng nhiều càng tốt cho cây.

IV. Chỉ có thiếu dinh dưỡng cây mới giảm năng suất.

Số nhận định đúng?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 3: Khi nói về vai trò của nước trong trồng trọt có bao nhiêu nhận định sau đây đúng?

I. Nước tham gia vào quá trình quang hợp.

II. Nước là môi trường hoà tan muối khoáng và chất dinh dưỡng để cung cấp cho cây.

III. Nước điều hoà nhiệt độ cho cây.

IV. Nước có vai trò dự trữ và cung cấp chất dinh dưỡng.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Chương II. Đất trồng

Bài 3. Giới thiệu về đất trồng

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Nhận biết

Câu 1: Các thành phần cơ bản của đất trồng gồm có?

A. Phần lỏng, phần rắn, phần khí, sinh vật đất.

B. Phần lỏng, phần rắn, phần khí, phần tâm.

C. Phần rắn, phần nước, phần bề mặt, phần bên dưới.

D. Phần khí, phần sinh vật, phần chất, phần liên kết.

Câu 2: Mỗi một hạt keo đất có cấu tạo như thế nào?

A. Ở giữa nhân keo → tầng ion quyết định điện → tầng ion không di chuyển → tầng ion khuếch tán.

B. Ở giữa nhân keo → tầng ion quyết định điện → tầng ion bù → tầng ion không di chuyển.

C. Ở giữa nhân keo → tầng ion khuếch tán → tầng ion quyết định điện → tầng ion không di chuyển.

D. Ở giữa nhân keo → tầng ion khuếch tán → tầng ion quyết định điện → tầng ion bù.

Câu 3: Phản ứng của dung dịch đất là gì?

A. Phản ứng giữa đất và cây trồng.

B. Sự trao đổi các ion.

C. Tính chua của đất, biểu hiện bằng số lượng điện tích H^+ trong dung dịch đất.

D. Tính chua, kiềm hay trung tính của đất, được biểu thị bằng trị số pH.

Thông hiểu

Câu 1: Ở keo đất âm, thành phần nào của keo đất mang điện tích âm?

- A. Lớp ion quyết định điện.
- B. Lớp ion không di chuyển.
- C. Lớp ion khuếch tán.
- D. Nhân keo đất.

Câu 2: Một keo đất có lớp ion khuếch tán mang điện tích âm. Vậy đây là keo đất gì?

- A. Keo đất không mang điện.
- B. Keo đất dương.
- C. Keo đất âm.
- D. Keo đất âm dương.

Câu 3: Câu nào sau đây là đúng?

- A. Phản ứng chua của đất là do nồng độ H^+ trong dung dịch đất lớn hơn nồng độ OH^- .
- B. Phản ứng kiềm của đất là do nồng độ OH^- trong dung dịch đất nhỏ hơn nồng độ H^+ .
- C. Phản ứng chua kiềm của đất là do nồng độ H^+ và OH^- trong dung dịch đất cân bằng nhau.
- D. Phản ứng hoá khử của đất là do nồng độ H^+ và OH^- trong dung dịch đất liên tục biến đổi.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Nhận định đúng – sai về tính chất của đất trồng

- a) Đất có tỷ lệ cát cao thường giữ nước kém, nhưng lại có khả năng thoát nước tốt.
- b) Đất sét có độ giữ nước cao và thường bị ngập úng nếu không có hệ thống thoát nước tốt.
- c) Đất mặn có độ mặn cao, nhưng lại rất thích hợp cho việc trồng lúa và cây trồng ưa nước.
- d) Đất chua thường khó trồng được cây, vì độ pH thấp làm giảm khả năng hấp thụ dinh dưỡng của cây.

Bài 4. Sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất trồng

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Nhận biết

Câu 1: Nguyên nhân gây ra đất chua là gì?

- A. Do nước mưa làm rửa trôi các cation kiềm trong đất.
- B. Do thủy triều, vỡ đê, nước biển vào mang theo muối hòa tan.
- C. Do địa hình dốc thoải rửa trôi chất dinh dưỡng.
- D. Do tập quán canh tác còn lạc hậu.

Câu 2: Biện pháp cày không lật, xới đất nhiều lần được áp dụng để cải tạo cho loại đất nào?

- A. Đất chua.
- B. Đất mặn.
- C. Đất xám bạc màu.
- D. Đất phèn.

Câu 3: Đặc điểm của đất xám bạc màu là

- A. đất có tầng canh tác dày, giàu chất dinh dưỡng.
- B. thành phần cơ giới nhẹ.
- C. đất chứa nhiều Al^{3+} , Fe^{3+} tự do.
- D. vi sinh vật có ích hoạt động mạnh.

Thông hiểu

Câu 1: Biện pháp canh tác nào sau đây phù hợp để cải tạo đất chua?

- A. Hạn chế làm đất vào mùa mưa ở vùng đồi núi, đất dốc.
- B. Xây dựng chế độ luân canh hợp lý.
- C. Trồng xen canh cây họ đậu, cây ngắn ngày.
- D. Tưới tiêu hợp lý tránh rửa trôi chất dinh dưỡng.

Câu 2: Trong cải tạo đất mặn, biện pháp “Cày không lật, xới đất nhiều lần” có tác dụng

- A. cắt đứt mao quản làm cho muối không thấm lên tầng đất mặt.
- B. hạ mạch nước ngầm để ngăn mặn không thấm lên tầng đất trồng.
- C. không làm cho đất bị khô hạn, không làm đất bị ải.
- D. tránh cho các chất dinh dưỡng trong đất không bị rửa trôi.

Câu 3 : Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Đất mặn là những loại đất có nồng độ muối hoà tan dưới 2,56 ‰.
- B. Đất xám bạc màu là loại đất có tầng canh tác mỏng.
- C. Đất xám bạc màu là loại đất có thành phần cơ giới nặng.
- D. Đất xám bạc màu có độ pH trung tính.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Nhận định sau đúng hay sai về tính chất của các loại đất trồng ở nước ta.

- a) Đất xám bạc màu thường có pH thấp, tầng canh tác mỏng và nghèo dinh dưỡng, chủ yếu phân bố ở các khu vực miền núi phía Bắc.
- b) Đất mặn thường gặp ở các vùng ven biển và có khả năng trồng cây lúa tốt vì có đủ nước mặn.
- c) Đất cát có khả năng giữ nước kém, nhưng lại rất thích hợp cho việc trồng cây ưa nắng và chịu hạn.
- d) Đất phèn thường gặp ở các vùng đồng bằng, có tính axit mạnh và cần được cải tạo trước khi trồng cây.

Câu 2. Nhận định đúng sai về các biện pháp sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất trồng.

- a) Biện pháp tưới tiêu không đúng cách có thể gây ngập úng, làm hư hại rễ cây và giảm năng suất cây trồng.
- b) Cải tạo đất bằng cách sử dụng các biện pháp như bón vôi, bón phân hữu cơ giúp cải thiện độ pH và bổ sung chất dinh dưỡng cho đất.
- c) Cày đất quá sâu sẽ giúp cây trồng phát triển nhanh hơn vì tạo ra môi trường tốt hơn cho rễ cây.
- d) Chỉ cần bón phân hóa học hợp lý là đủ để đảm bảo năng suất cây trồng.

Bài 5. Giá thể trồng cây

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Nhận biết

Câu 1: Việc sử dụng giá thể trồng cây trong trồng trọt có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt.
- B. Cây trồng sinh trưởng và phát triển kém.
- C. Sạch bệnh nhưng cây sinh trưởng chậm.
- D. Dễ trồng, chăm sóc thuận tiện, cây chậm phát triển.

Câu 2: Giá thể hữu cơ tự nhiên gồm những loại nào sau đây?

- A. Than bùn, mùn cưa, trấu hun, xơ dừa.
- B. Than bùn, mùn cưa, trấu hun, gôm.
- C. Than bùn, mùn cưa, đá perlite, đất sét.
- D. Than bùn, mùn cưa, trấu hun, đất phù sa.

Câu 3: Giá thể trơ cứng gồm những loại nào sau đây?

- A. Than bùn, mùn cưa.
- B. Trấu hun, gôm.
- C. Đá perlite, đất sét.
- D. Đá perlite, gôm.

Thông hiểu

Câu 1: Quá trình tạo ra giá thể perlite **không** bao gồm bước nào sau đây?

- A. Xay, nghiền nhỏ quặng đá perlite (từ 0,2 mm đến 1 mm).
- B. Ngâm trong dung dịch dinh dưỡng trong 1 giờ để đá perlite hấp thụ dưỡng chất.
- C. Nung ở nhiệt độ từ 800°C đến 850°C.
- D. Để nguội, kiểm tra chất lượng, đóng gói thành phẩm và đưa ra thị trường.

Câu 2: Có bao nhiêu ý sau đây là ưu điểm của giá thể trấu hun

- 1. Tơi, xốp.
- 2. Giữ nước, giữ phân tốt.
- 3. Có ít mầm bệnh.
- 4. Hàm lượng chất dinh dưỡng ít.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 3: Khi nói về ưu điểm của giá thể perlite có các nhận định sau:

- I. Chứa nhiều silic.
- II. Độ thông thoáng tốt.
- III. Hàm lượng kali lớn.
- IV. Có nhiều cellulose.
- V. Nhiều chất dinh dưỡng.

Số nhận định đúng?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Nhận định đúng – sai giá thể trồng cây.

- a) Giá thể trồng cây là vật liệu dùng để thay thế hoàn toàn đất trong việc trồng cây, cung cấp dinh dưỡng và hỗ trợ sự phát triển của cây.

- b) Giá thể trồng cây chỉ có thể sử dụng một lần và không thể tái sử dụng sau khi đã sử dụng cho một chu kỳ trồng cây.
- c) Các loại giá thể như xơ dừa, mùn cưa, và perlite có vai trò giữ ẩm và thoáng khí cho rễ cây, giúp cây trồng phát triển tốt hơn.
- d) Giá thể trồng cây giúp cây trồng không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố môi trường xung quanh như nhiệt độ, ánh sáng hay độ ẩm.

Câu 2. Khi nói về giá thể hữu cơ tự nhiên, nhận định sau đây đúng hay sai?

- a) Giá thể trồng cây hữu cơ chủ yếu được làm từ các vật liệu tự nhiên như xơ dừa, mùn cưa, than bùn, vỏ trấu.
- b) Giá thể trồng cây hữu cơ thích hợp với tất cả các loại cây trồng vì nó cung cấp môi trường phát triển tự nhiên.
- c) Giá thể hữu cơ có thể giúp cải thiện khả năng thoát nước, nhưng nó cũng giữ ẩm tốt, giúp cây trồng duy trì độ ẩm cần thiết.
- d) Giá thể hữu cơ không thể tái sử dụng và thường phải thay thế sau mỗi vụ mùa.

Chương III. Phân bón

Bài 7. Giới thiệu về phân bón

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Là sản phẩm có chức năng cung cấp chất dinh dưỡng hoặc có tác dụng cải tạo đất để làm tăng năng suất, chất lượng cho cây trồng. Gọi là

- A. phân bón. B. phân đạm. C. phân hữu cơ. D. phân lân

Câu 2: Phân bón nào thuộc loại phân hữu cơ?

- A. Phân lân. B. Phân VS cố định đạm. C. Phân chuồng. D. Phân đạm.

Câu 3: Loại phân nào dưới đây thuộc nhóm phân hóa học?

- A. Phân chuồng. B. Phân đạm. C. Phân xanh. D. Phân rác.

Câu 1: Phân bón hóa học có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng nhưng tỉ lệ chất dinh dưỡng cao.
- B. Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng nhưng tỉ lệ chất dinh dưỡng không ổn định.
- C. Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng, tỉ lệ chất dinh dưỡng không ổn định.
- D. Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng, tỉ lệ chất dinh dưỡng cao.

Câu 2: Điều **không** phải là đặc điểm của phân bón hữu cơ?

- A. Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng. B. Tỉ lệ chất dinh dưỡng không ổn định.
- C. Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng. D. Hàm lượng chất dinh dưỡng thấp.

Câu 3: Đặc điểm của phân bón vi sinh?

- A. Dễ tan trong nước (trừ phân lân). B. Chứa các loài vi sinh vật sống.
- C. Thành phần và tỉ lệ dinh dưỡng không ổn định. D. Bón nhiều năm làm đất hóa chua.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Nhận định đúng/ sai về vai trò của phân bón trong trồng trọt:

- a) Phân bón chỉ có tác dụng cung cấp dinh dưỡng cho cây mà không ảnh hưởng đến chất lượng đất trồng.
- b) Phân bón chỉ nên được sử dụng trong giai đoạn cây phát triển mạnh.
- c) Phân bón có thể thay thế hoàn toàn việc cải tạo đất trồng, vì nó cung cấp đầy đủ dinh dưỡng cho cây.
- d) Phân bón hữu cơ giúp cải tạo đất trồng và bổ sung các chất hữu cơ, từ đó tăng khả năng giữ nước và cải thiện cấu trúc đất.

Câu 2. Nhận định đúng/ sai về đặc điểm cơ bản của phân hóa học:

- a) Phân hóa học chủ yếu được sản xuất từ các nguyên liệu tự nhiên và có thể cung cấp tất cả các chất dinh dưỡng cho cây.
- b) Phân hóa học thường có tác dụng nhanh chóng và dễ dàng hấp thu bởi cây, nhưng nếu sử dụng không đúng cách có thể gây hại cho đất.
- c) Phân hóa học chỉ cung cấp ba yếu tố dinh dưỡng chính: đạm (N), lân (P), và kali (K).
- d) Phân hóa học có tác dụng nhanh và dễ hấp thụ, nhưng việc lạm dụng phân hóa học có thể gây ra hiện tượng "cháy rễ" hoặc "ngộ độc phân".

Bài 8. Sử dụng và bảo quản phân bón

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Trước khi bón phân hữu cơ, cần phải

- A. ủ hoại mục.
- B. trộn vào hạt.
- C. trộn vào cát.
- D. tẩm vào rễ.

Câu 2: Loại phân nào sau đây thường được dùng để bón lót ?

- A. Lân.
- B. Kali.
- C. NPK.
- D. Đạm.

Câu 3: Phương pháp nào sau đây phù hợp nhất khi sử dụng phân bón vi sinh?

- A. Bón thúc vào đất để tăng lượng vi sinh vật có ích cho đất.
- B. Tẩm vào hạt giống trước khi gieo.
- C. Bón cho cây bằng cách hòa loãng phân, cho vào bình phun trên lá.
- D. Bón trực tiếp vào đất hoặc có thể tẩm vào hạt, rễ cây trước khi gieo.

Câu 4: Nguyên tắc cơ bản nào đúng khi bảo quản phân bón hóa học?

- A. Chống trung tính.
- B. Chống bazơ.
- C. Chống acid.
- D. Chống ngộ độc.

Câu 5: Bảo quản phân bón vi sinh như thế nào là tốt nhất?

- A. Trộn chung với các loại phân hóa học.
- B. Tránh ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp.
- C. Để nơi có độ ẩm không khí cao.
- D. Dự trữ nhiều, để càng lâu càng tốt.

Câu 6: Nguyên tắc nào **sai** khi bảo quản phân bón hóa học?

- A. Để nơi khô ráo, thoáng mát.
- B. Bảo quản trong chum, vại sành.
- C. Khu vực bảo quản có nhiều gian.
- D. Để phân bón gần nguồn nhiệt.

Câu 7: Nội dung **sai** khi nói về cơ sở khoa học các biện pháp sử dụng phân bón hóa học ?

- A. Phân NPK có thể dùng bón thúc hoặc bón lót.
- B. Phân lân dùng bón lót để có thời gian cho phân bón hòa tan.
- C. Phân đạm, kali có tỉ lệ dinh dưỡng cao, dễ hòa tan nên dùng để bón thúc.
- D. Phân đạm, kali bón liên tục qua nhiều năm giúp cải tạo đất.

Câu 8: Cách sử dụng phân bón nào sau đây là phù hợp? Vì sao?

- A. Phân bón vi sinh dùng để bón thúc vì chứa nhiều vi sinh vật có ích cho đất.
- B. Phân kali dùng để bón thúc vì chất dinh dưỡng dễ hòa tan.
- C. Phân bón hữu cơ dùng để bón lót vì chất dinh dưỡng ở dạng dễ tiêu.
- D. Phân lân dùng để bón lót vì chất dinh dưỡng dễ hòa tan.

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây **không** phải là đặc điểm sử dụng của phân bón hữu cơ?

- A. Hàm lượng dinh dưỡng thấp nên phải sử dụng lượng lớn mới đủ dinh dưỡng cho cây trồng.
- B. Dùng để bón lót và phải bón lót sớm.
- C. Khi sử dụng phải được ủ hoại mục.
- D. Bón liên tục nhiều năm sẽ làm cho đất hóa chua.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Nhận định đúng/ sai về cách sử dụng các loại phân bón phổ biến:

- a) Phân bón hữu cơ nên được sử dụng trong suốt chu kỳ sinh trưởng của cây để cung cấp chất dinh dưỡng lâu dài và cải thiện chất lượng đất.
- b) Việc sử dụng phân bón hữu cơ và phân bón hóa học kết hợp là không nên, vì chúng có thể gây ra sự tương tác xấu với nhau.

- c) Phân bón kali không cần thiết cho cây trồng trong giai đoạn sinh trưởng, chỉ nên sử dụng trong giai đoạn cây ra hoa và kết trái.
- d) Phân lân dễ hòa tan nên cần bón thúc cho cây trồng trong giai đoạn cây sinh trưởng, phát triển mạnh. S

Câu 2: Dưới đây là các nguyên tắc chung cơ bản khi bảo quản các loại phân bón. Nhận định sau đúng hay sai?

- a) Phân bón cần được bảo quản ở nơi tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời để tăng cường hiệu quả sử dụng.
- b) Phân bón hóa học và phân bón hữu cơ có thể được lưu trữ cùng một nơi mà không cần phải có biện pháp phân biệt.
- c) Phân bón nên được bảo quản xa khỏi các nguồn nhiệt và các chất dễ cháy, như xăng, dầu, để tránh nguy cơ cháy nổ.
- d) Phân bón nên được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát để tránh sự phân hủy và mất chất dinh dưỡng.

Bài 9. Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Nội dung nào sau đây đúng về nguyên lý sản xuất phân bón vi sinh sử dụng trong trồng trọt?

- A. Nhân giống vi sinh vật đặc hiệu, sau đó trộn với chất nền để tạo ra phân bón vi sinh vật.
- B. Ngành công nghệ khai thác hoạt động sống của vi sinh vật để sản xuất các sản phẩm phân bón.
- C. Những sản phẩm phân bón chứa một hay nhiều giống vi sinh vật không gây độc hại cho con người.
- D. Chuẩn bị và kiểm tra nguyên liệu. Sau đó ủ sinh khối để tạo ra sản phẩm phân bón vi sinh vật.

Câu 2: Bón phân vi sinh vật cố định đạm cần phải

- A. trộn và tẩm hạt giống với phân vi sinh nơi có ánh sáng mạnh.
- B. trộn và tẩm phân vi sinh với hạt giống ở nơi râm mát.
- C. trộn và tẩm hạt giống với phân vi sinh, sau một thời gian mới được đem gieo.
- D. trộn và tẩm hạt giống, không được bón trực tiếp vào đất.

Câu 3: Bón phân vi sinh vật phân giải chất hữu cơ cần phải ủ cùng với

- A. phân vi sinh nơi có ánh sáng mạnh.
- B. phân vi sinh với hạt giống ở nơi râm mát.
- C. phân hữu cơ hoặc bón trực tiếp vào đất.
- D. hạt giống, không được bón trực tiếp vào đất.

Câu 4: Phân bón vi sinh cố định đạm là sản phẩm chứa

- A. một hay nhiều giống vi sinh vật cố định nitrogen phân tử.
- B. một hoặc một số giống vi sinh vật chuyển hóa lân.
- C. một hay nhiều giống vi sinh vật đã được tuyển chọn.
- D. phân bón vi sinh phân giải chất hữu cơ.

Câu 5: Phân bón vi sinh chuyển hóa lân là

- A. một hay nhiều giống vi sinh vật cố định nitrogen phân tử.
- B. một hoặc một số giống vi sinh vật chuyển hóa lân.
- C. một hay nhiều giống vi sinh vật đã được tuyển chọn.
- D. phân bón vi sinh phân giải chất hữu cơ.

Câu 6: Phân bón vi sinh phân giải chất hữu cơ là sản phẩm chứa

- A. một hay nhiều giống vi sinh vật cố định nitrogen phân tử.
- B. một hoặc một số giống vi sinh vật chuyển hóa lân.
- C. một hay nhiều giống vi sinh vật đã được tuyển chọn.
- D. hai hay nhiều giống vi sinh vật không được tuyển chọn.

Câu 7: Quy trình đúng sản xuất phân bón vi sinh cố định đạm là

1. Chuẩn bị và kiểm tra nguyên liệu.

2. Kiểm tra chất lượng, đóng bao, bảo quản.

3. Phối trộn, ủ sinh khối khoảng một tuần

A. 1 → 3 → 2.

B. 1 → 2 → 3.

C. 2 → 3 → 1.

D. 2 → 1 → 3.

Câu 8: Quy trình đúng sản xuất phân bón vi sinh chuyển hóa lân là

1. Nhân giống vi sinh vật.

2. Phối trộn với chất mang.

3. Chuẩn bị và kiểm tra chất mang.

4. Kiểm tra chất lượng, đóng gói, bảo quản.

A. 1 → 3 → 2 → 4.

B. 1 → 2 → 3 → 4.

C. 2 → 3 → 1 → 4.

D. 2 → 1 → 3 → 4.

Câu 9: Quy trình đúng sản xuất phân bón vi sinh phân giải chất hữu cơ là

1. Kiểm tra chất lượng, đóng gói, bảo quản

2. Chuẩn bị, tập kết nguyên liệu hữu cơ và sơ chế.

3. Ủ nguyên liệu đã sơ chế với vi sinh vật phân giải chất hữu cơ.

A. 1 → 3 → 2.

B. 1 → 2 → 3.

C. 2 → 3 → 1.

D. 2 → 1 → 3.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Khi nói về kỹ thuật sử dụng phân bón vi sinh vật, nhận định sau đúng hay sai?

a) Phân bón vi sinh vật có thể bón trực tiếp lên lá của cây trồng để thúc đẩy quá trình quang hợp.

b) Phân bón vi sinh vật có thể sử dụng cho mọi loại cây trồng mà không cần điều chỉnh loại vi sinh vật, vì chúng phù hợp với tất cả các điều kiện đất và cây trồng.

c) Phân bón vi sinh vật có thể giúp tăng khả năng phân giải chất hữu cơ trong đất, từ đó cải thiện độ phì nhiêu và khả năng giữ nước của đất.

d) Phân bón vi sinh vật cần được bảo quản ở nơi mát mẻ và khô ráo để giữ được hiệu quả hoạt động của vi sinh vật.

Câu 2. Nhận định sau đúng hay sai khi nói về phân vi sinh cố định đạm?

a) Phân vi sinh cố định đạm có thể thay thế hoàn toàn phân đạm hóa học trong việc cung cấp đạm cho cây trồng.

b) Phân vi sinh cố định đạm chỉ hiệu quả khi bón vào đất ngay sau khi gieo trồng, vì vi sinh vật cần thời gian để sinh sôi và phát triển.

c) Phân vi sinh cố định đạm chứa các vi sinh vật có khả năng chuyển hóa nitrogen phân tử (N₂) từ không khí thành dạng mà cây trồng có thể hấp thụ.

d) Việc bón phân vi sinh cố định đạm có thể giúp cải thiện độ phì nhiêu của đất, làm tăng khả năng giữ nước và giảm xói mòn đất.

Câu 3. Nhận định sau đúng hay sai khi nói về phân vi sinh phân giải chất hữu cơ?

a) Phân vi sinh phân giải chất hữu cơ giúp chuyển hóa chất hữu cơ trong đất thành các dạng dinh dưỡng dễ hấp thụ cho cây trồng.

b) Phân vi sinh phân giải chất hữu cơ có thể thay thế hoàn toàn phân bón hóa học trong việc cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng.

c) Vi sinh vật trong phân vi sinh phân giải chất hữu cơ có thể giúp phân hủy chất thải nông nghiệp và các vật liệu hữu cơ khác trong đất.

d) Phân vi sinh phân giải chất hữu cơ cần được bảo quản trong môi trường khô ráo và thoáng mát để đảm bảo sự sống sót của vi sinh vật.

Chương IV. Công nghệ giống cây trồng

Bài 11. Khái niệm và vai trò của giống cây trồng

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Giống cây trồng là

A. quần thể cây trồng.

B. quần xã cây trồng.

C. nhóm cây trồng.

D. cá thể cây trồng.

Câu 2: Vai trò của giống cây trồng là

- A. quy định năng suất và chất lượng cây trồng, tăng khả năng kháng sâu bệnh, tăng khả năng chống chịu.
- B. tăng khả năng kháng sâu bệnh, tăng khả năng chống chịu.
- C. quy định năng suất và chất lượng cây trồng, tăng khả năng chống chịu.
- D. quy định năng suất và chất lượng cây trồng, tăng khả năng kháng sâu bệnh.

Câu 3: Giống cây trồng **không** có vai trò nào sau đây?

- A. Tăng tuổi thọ của cây trồng.
- B. Quy định chất lượng cây trồng.
- C. Tăng khả năng kháng sâu, bệnh.
- D. Quy định năng suất cây trồng.

Câu 1: Giống cây trồng có những đặc điểm nào sau đây?

- (1) Di truyền được cho đời sau.
- (2) Không di truyền được cho đời sau.
- (3) Đồng nhất về hình thái và ổn định qua các chu kì nhân giống.
- (4) Không đồng nhất về hình thái.

- A. (1), (2).
- B. (2), (4).
- C. (2), (3).
- D. (1), (3).

Câu 2: Khi nói về giống cây trồng có các nhận định sau:

- I. Giống cây trồng là một quần thể cây trồng có thể phân biệt với quần thể cây trồng khác.
 - II. Mỗi giống cây trồng tốt đều cho năng suất và chất lượng cao ở mọi vùng sinh thái khác nhau.
 - III. Giống cây trồng mới ngăn ngừa giúp tăng vụ và thay đổi cơ cấu cây trồng.
 - IV. Nhiều giống cây trồng có khả năng chống chịu với các điều kiện bất lợi như mặn, chua, hạn....
- Có bao nhiêu nhận định đúng?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây **sai** khi nói về giống cây trồng?

- A. Mỗi giống cây trồng chỉ thích hợp với một hoặc một vài vùng sinh thái nhất định.
- B. Giống cây trồng là quần thể cây trồng có thể phân biệt với quần thể cây trồng khác.
- C. Giống cây trồng tốt giúp tăng năng suất và tăng khả năng kháng sâu, bệnh.
- D. Giống cây trồng tốt thì trồng ở đâu cũng sinh trưởng, phát triển tốt.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Nhận định đúng/ sai về khái niệm giống cây trồng:

- a) Giống cây trồng có thể được tạo ra qua các phương pháp nhân giống vô tính, như giâm cành, chiết cành, hay nuôi cấy mô.
- b) Giống cây trồng không ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm cuối cùng của cây trồng.
- c) Giống cây trồng là tập hợp các cây có đặc điểm di truyền giống nhau và có khả năng sinh sản qua nhiều thế hệ.
- d) Giống cây trồng luôn ổn định và không thay đổi theo thời gian nếu được bảo tồn đúng cách.

Câu 2. Nhận định đúng/ sai về vai trò của giống cây trồng:

- a) Giống cây trồng có vai trò quyết định năng suất và chất lượng của cây trồng.
- b) Giống cây trồng không có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông dân.
- c) Việc chọn giống cây trồng phù hợp có thể giúp tăng năng suất cây trồng và giảm thiểu chi phí sản xuất.
- d) Giống cây trồng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường bằng cách giảm thiểu sử dụng hóa chất và phân bón.

Bài 12. Phương pháp chọn tạo giống cây trồng

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Phương pháp chọn lọc cá thể thường áp dụng đối với loại cây trồng nào sau đây?

- A. Cây tự thụ phấn.
- B. Cây nhân giống vô tính.
- C. Cây biến đổi gene.
- D. Cây giao phấn.

Câu 2: Tạo giống bằng công nghệ gen là

A. phương pháp sử dụng tác nhân vật lý, hóa học hoặc sinh học gây biến đổi vật chất di truyền của các giống cây trồng nhằm tạo ra các giống mới mang các tổ hợp gene mới, quy định các đặc điểm mới phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của con người.

B. phương pháp tạo ra những tế bào hoặc sinh vật có gene bị biến đổi hoặc có thêm gene mới.

C. tạo giống có đặc tính di truyền đồng nhất và ổn định, các thế hệ con cháu sinh ra giống với thế hệ trước.

D. con lai có năng suất, phẩm chất, sức chống chịu, khả năng sinh trưởng và phát triển vượt trội so với các dạng bố mẹ.

Câu 3: Thành tựu nào sau đây là của phương pháp tạo giống ưu thế lai?

A. Giống lúa thuần OM 5451.

B. Giống lúa thuần chủng PC6.

C. Giống lúa lai LY006.

D. Giống lúa thuần LTh31.

Câu 4: Thành tựu giống cây trồng bằng phương pháp gây đột biến là

A. Giống lúa lai LY006.

B. Giống lạc LDH 10.

C. Giống ngô chuyển gene NK66BT.

D. Giống ngô lai LYN10.

Câu 5: Nhược điểm của phương pháp chọn lọc cá thể là

A. không tạo ra sự khác biệt rõ rệt theo mục tiêu chọn giống.

B. tốn nhiều thời gian và cần nhiều diện tích đất.

C. không đánh giá được đặc điểm di truyền của từng cá thể.

D. hiệu quả chọn lọc thường không cao.

Câu 6: Kỹ thuật cao và thiết bị phức tạp, cho biết đây là nhược điểm của phương pháp tạo giống cây trồng nào?

A. Tạo giống cây trồng bằng phương pháp lai.

B. Tạo giống cây trồng bằng công nghệ gen.

C. Tạo giống cây trồng bằng phương pháp gây đột biến.

D. Tạo giống bằng phương pháp lai hữu tính.

Câu 7: Sắp xếp thứ tự các bước tiến hành tạo giống bằng công nghệ gene:

(1) Gắn gene cần chuyển vào công cụ chuyển gene (súng bắn gene, thể truyền).

(2) Đánh giá, khảo nghiệm và đăng ký công nhận giống mới theo quy định.

(3) Chuẩn bị sinh vật hoặc tế bào cho gene và sinh vật hoặc tế bào nhận gene.

(4) Chọn lọc sinh vật hoặc tế bào mang gene cần chuyển.

(5) Chuyển gene vào sinh vật hoặc tế bào nhận gene.

(6) Thu nhận gene cần chuyển từ sinh vật hoặc tế bào cho gene bằng kỹ thuật phù hợp.

A. (3), (4), (5), (1), (4), (2).

B. (3), (6), (1), (5), (4), (2).

C. (3), (6), (5), (4), (1), (2).

D. (3), (4), (5), (6), (1), (2).

Câu 8: Sắp xếp thứ tự các bước tiến hành tạo giống thuần chủng bằng phương pháp lai:

(1) Chọn giống hay dòng bố mẹ

(2) Gieo trồng hạt F_1 , loại cây dị dạng, bệnh, không phải cây lai. Các cây còn lại thu hạt để riêng thành từng dòng

(3) Gieo trồng, thu hoạch hạt gieo trồng ở vụ sau (hạt F_1)

(4) Gieo hạt của cây F_1

(5) Đánh giá và so sánh dòng thuần chọn được với dòng đối chứng.

(6) Khảo nghiệm và đăng ký công nhận giống.

A. (1), (3), (2), (4), (5), (6).

B. (1), (2), (3), (4), (5), (6).

C. (1), (3), (5), (4), (2), (6).

D. (1), (4), (5), (6), (2), (3).

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Nhận định đúng/ sai về các phương pháp tạo giống cây trồng phổ biến:

a) Phương pháp nuôi cấy mô là kỹ thuật tạo giống cây bằng cách nuôi cấy tế bào hoặc mô thực vật trong môi trường dinh dưỡng nhân tạo để phát triển thành cây hoàn chỉnh.

b) Phương pháp giâm cành là kỹ thuật nhân giống bằng cách cắt cành của cây mẹ và trồng vào đất để tạo ra cây con.

- c) Phương pháp chiết cành không thể sử dụng trong nhân giống cây ăn quả.
 d) Phương pháp nhân giống vô tính là cách tạo giống cây bằng cách sử dụng bộ phận của cây mẹ để phát triển cây con.

Câu 2. Khi nói về một số thành tựu của công tác chọn tạo giống cây trồng ở Việt Nam, nhận định sau đúng hay sai?

- a) Giống lúa chất lượng cao như ST24 và ST25 đã đạt được thành tựu lớn trong việc nâng cao giá trị xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam.
 b) Một số thành tựu nổi bật trong việc tạo giống cây trồng bằng công nghệ gen như: giống lúa vàng, giống ngô chuyển gene NK66BT, giống đậu tương Roundup Ready ...
 c) Giống cam, quýt, bưởi ở Việt Nam đã được cải thiện đáng kể về năng suất và chất lượng nhờ công tác chọn tạo giống cây trồng.
 d) Công nghệ đột biến gen chỉ có thể áp dụng đối với các cây lương thực như lúa, ngô, không thể áp dụng cho cây ăn quả hay cây công nghiệp.

Bài 13. Nhân giống cây trồng

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Nhân giống vô tính được thực hiện bằng những phương pháp nào?

- A.** Trồng bằng củ, bằng lá, bằng thân, bằng hạt. **B.** Nuôi cấy mô, giâm cây con.
C. Tháp cây, giâm hom, tía chồi, chiết cành. **D.** Giâm, chiết, ghép cành, nuôi cấy mô.

Câu 2: Vụ thứ 3 của quy trình nhân giống hữu tính ở cây là

- A.** nhân hạt giống tác giả. **B.** sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng.
C. sản xuất hạt giống nguyên chủng. **D.** sản xuất hạt giống xác nhận.

Câu 3: Bước thứ 2 của phương pháp giâm cành là

- A.** chọn cành giâm. **B.** cắt cành giâm.
C. xử lý cành giâm. **D.** cắm cành giâm vào nền giâm.

Câu 4: Trong các nội dung sau những nội dung nào là ưu, nhược điểm của phương pháp ghép?

- (1) Cây có bộ rễ khỏe mạnh, thích nghi tốt. (2) Đòi hỏi kỹ thuật cao.
 (3) Cây con khỏe mạnh. (4) Hệ số nhân giống thấp. (5) Bộ rễ phát triển kém.
A. (1), (2). **B.** (1), (3), (4). **C.** (2), (3). **D.** (1), (2), (5).

Câu 5: Ưu điểm của công nghệ nuôi cấy mô tế bào?

- (1) Có thể nhân giống ở quy mô công nghiệp (2) Áp dụng đối với loại cây lấy hạt
 (3) Đồng nhất về di truyền. (4) Sạch bệnh
 (5) Năng suất cao (6) Áp dụng kỹ thuật cao
A. (1), (2), (4). **B.** (1), (3), (4). **C.** (2), (3), (6). **D.** (1), (3), (6).

Câu 6: Ưu điểm của phương pháp giâm cành?

- (1) Đơn giản. (2) Dễ thực hiện. (3) Cây con khỏe mạnh.
 (4) Hệ số nhân giống tương đối cao. (5) Bộ rễ khỏe mạnh, thích nghi tốt.
A. (1), (2), (4). **B.** (1), (3), (4). **C.** (2), (3), (5). **D.** (1), (3), (5).

Tự luận : Học chương III và chương IV